

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 8 - 2024

V/v: “*Không công nhận vợ  
chồng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Hồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Rmah In; Bà Hà Thị Huyền.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

**Bị đơn:** Ông Lê Công Tr, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (*Bà T - có mặt; ông Tr – vắng mặt*).

**NHẬN THẤY**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024, bản tự khai bà Nguyễn Thị T, trình bày:* Bà T với ông Lê Công Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình nên phát sinh nhiều mâu

thuần. Nay bà T cảm thấy cuộc sống chung không có hòa thuận, tình cảm đã không còn, do vậy bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa bà T với ông Lê Công Tr.

- Bị đơn: ông Lê Công Tr, trình bày: Ông chung sống với bà Nguyễn Thị T từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chung sống hòa thuận được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân ông ham chơi nên mới xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, ông Tr không đồng ý, ông cho rằng vẫn còn tình cảm nên mong muốn bà T rút đơn để gia đình được đoàn tụ.

- Về con chung: Bà T với ông Tr thống nhất trình bày: có 02 người con chung, các cháu tên là Lê Văn Công Th, sinh ngày 10/4/2001 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 23/7/2007. Cháu Th đã trên 18 tuổi, khoẻ mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T chưa đủ 18 tuổi, bà T muốn được giao cháu T cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tr đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi đủ tròn 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2024 cháu Lê Thị Cẩm T khai: Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị T và ba Lê Công Tr. Hiện tại cháu biết cha mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, nếu cha mẹ cháu không ở với nhau nữa, cháu muốn được trực tiếp ở với ba Lê Công Tr.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Tr thống nhất không yêu cầu giải quyết.

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Krông K cho thấy: Qua kiểm tra sổ sách làm thủ tục đăng ký kết hôn đang được lưu trữ tại UBND thị trấn Krông K từ năm 2001 đến nay không có tên Lê Công Tr và Nguyễn Thị T ghi trong sổ đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên quan điểm là đề nghị HĐXX tuyên bố không nhận bà T và ông Tr là vợ chồng, vì cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn gia đình.

Về con chung: Bà T vẫn giữ nguyên ý kiến tại phiên hòa giải là giao cháu T cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Ông Lê Công Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:***

Về tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn đã được Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, các thủ tục tố tụng đã niêm yết đầy đủ, tại phiên tòa hôm nay đã được mở lần thứ hai nên việc HĐXX vẫn tiến hành xét xử là bảo đảm đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bị đơn cố tình vắng mặt.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định. Bà T và ông Tr chung sống từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lê Công Tr là vợ chồng. Đối với con chung các đương sự thỏa thuận giao cháu T cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên đề nghị HĐXX công nhận, về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Công Tr là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án nhân dân huyện Krông Bông thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Công Tr vắng mặt lần thứ hai, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông Lê Công Tr là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Công Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chung sống hòa thuận được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tr ham chơi nên mới xảy ra mâu thuẫn gia đình. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Ông Tr không đồng ý và cho rằng vẫn còn tình cảm nên mong muốn bà T rút đơn để gia đình được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà T và ông Tr không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lê Công Tr là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Tr có 02 người con chung, là Lê Văn Công Th, sinh ngày 10/4/2001 và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 23/7/2007. Cháu Th đã trên 18 tuổi, khoẻ mạnh nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T chưa đủ 18 tuổi, bà T muốn được giao cháu T cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi đủ tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa bà T cũng giữ nguyên ý kiến, đây cũng là ý kiến về nguyện vọng của cháu Lê Thị Cẩm T khi cha mẹ ly hôn thì muốn được ở với ông Tr. Xét nguyện vọng của cháu T và nguyện vọng của các đương sự là chính đáng nên HĐXX cần chấp nhận giao con chung là Lê Thị Cẩm T cho ông Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Tr thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Lê Công Tr, về việc “Không công nhận vợ chồng”.

**[1] Về hôn nhân:** Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lê Công Tr là vợ chồng.

**[2] Về con chung:** Giao cháu Lê Thị Cẩm T - sinh ngày 23/7/2007 cho ông Lê Công Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Lê Thị Cẩm T đủ tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật như; có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Để đảm bảo quyền lợi chung của con chưa đủ tuổi thành niên, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**[3] Về án phí:** Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007002 ngày 19/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông. Bà T đã nộp đủ.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H. Krông Bông;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Krông Bông;
- Lưu HS, VP.

**Chu Văn Hồi**